

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2026/KDTM - PT

Ngày: 22 – 01 – 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết; Ông Phạm Cao Gia .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nữ Hoàng Yên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2025/TLPT- KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/DS - ST ngày 26/6/2025 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 443/2025/QĐ- PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D1.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Nay là phường H, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Anh T; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H.

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, TP Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T1; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H; Chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng:

+ Bà Đặng Thị Thùy D; Địa chỉ: C T, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (Nay là phường B, tỉnh Lâm Đồng), có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Trần Đức M; Địa chỉ: Lầu E, F P, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường X, TP Hồ Chí Minh), có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH M1

Địa chỉ: D N, phường B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Thùy T2; Chức vụ: Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H1, có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: A Y, tổ dân phố F, phường E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3.

Địa chỉ: Số nhà D Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk, bà T2 có mặt tại phiên tòa, ông T3 vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Đại diện theo pháp luật của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh Đ đã cho Công ty TNHH M2 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34157/22MN/HĐTD ngày 07/9/2022 và các Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, gồm đề nghị giải ngân kèm KUNN số 34157/22MN/HĐTD/ KUNN04 ngày 16/3/2023, số tiền vay 1.050.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 17/3/2023 đến ngày 16/9/2023. Mục đích sử dụng vốn Phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản. Lãi suất cho vay trong hạn 11.5%/năm. Đề nghị giải ngân kèm KUNN số: 34157/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 07/9/2023, số tiền vay 1.400.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 08/9/2023 đến ngày 07/3/2024. Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản. Lãi suất cho vay trong hạn 12.0%/năm. Đề nghị giải ngân kèm KUNN số 34157/22MN/HĐTD/KUNN06 ngày 07/9/2023, số tiền vay 1.599.600.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 08/9/2023 đến ngày 07/3/2024. Mục đích sử dụng vốn Phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản. Lãi suất cho vay trong hạn 12.0%/năm. Ngoài ra, ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 đã ký Văn bản cam kết bảo lãnh với nội dung cam kết về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH M2 các khoản nợ phát sinh trong trường hợp Công ty TNHH M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đúng hạn nghĩa vụ trả nợ các khoản nợ.

Tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 117, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE317765, sổ vào sổ cấp GCN CS01033 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/7/2022. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 117, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE317766, sổ vào sổ cấp GCN CS01034 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ

cấp ngày 19/7/2022. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 117, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE317767, sổ vào sổ cấp GCN CS01035 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/7/2022.

Việc thế chấp và nhận thế chấp các tài sản nêu trên tuân thủ đúng quy định pháp luật cụ thể theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng: 7295, quyền số: 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đ1, tỉnh Đắk Nông ngày 07/9/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH M2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P mặc dù đã được đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần, T4 tính đến ngày 25/6/2025, tổng số tiền mà Công ty TNHH M2 còn nợ Công ty Cổ phần D1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34157/22MN/HĐTD ngày 07/9/2022 là 3.873.872.289 đồng, tiền gốc 2.999.631.806 đồng, lãi trong hạn 200.687.387 đồng, lãi quá hạn 673.553.096 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH M2 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại kể từ ngày 26/6/2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các văn đã ký kết đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần D1.

Ngày 29/3/2024, Ngân hàng TMCP P đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH M2 và toàn bộ biện pháp đảm bảo của khoản vay nêu trên cho Công ty Cổ phần D1 theo Hợp đồng Mua bán nợ số: 224.03/2024/HĐMBN/HDB-HNV ngày 29/03/2024

Cùng ngày 29/3/2024, Công ty Cổ phần D1 ủy quyền toàn bộ cho Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng ủy quyền số: 224.03/2024/HDUQ/HDB-HNV ngày 29/03/2024. Nhận thấy Công ty TNHH M2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký kết. Do vậy, Công ty Cổ phần D1 khởi kiện buộc.

Công ty TNHH M2 phải thanh toán ngay một lần toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn nợ cho Công ty Cổ phần D1 theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34157/22MN/HĐTD ngày 07/9/2022 số tiền tính đến ngày 25/6/2025 là 3.873.872.289 đồng, tiền gốc 2.999.631.806 đồng, lãi trong hạn 200.687.387 đồng, lãi quá hạn 673.553.096 đồng.

Buộc Công ty TNHH M2 phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại kể từ ngày 26/6/2025 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các văn đã ký kết đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Công ty Cổ phần D1.

Trường hợp Công ty TNHH M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần D1 thì Công ty Cổ phần D1 có quyền yêu cầu các Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mãi các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng: 7295, quyền số: 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi toàn bộ khoản nợ của Công ty TNHH M2 cho Công ty Cổ phần D1.

Nếu số tiền phát mãi các tài sản đảm bảo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 29433/22MN/HĐBĐ vẫn

không đủ thu hồi hết khoản nợ thì Công ty TNHH M2 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ đến khi tất toán khoản vay.

Buộc ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH M2 theo đúng nội dung của Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Về quan hệ tín dụng, tài sản thế chấp giữa bị đơn Công ty TNHH M2 với phía nguyên đơn, đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện. Nay nguyên đơn khởi kiện Công ty TNHH M2, xác định tính đến ngày 06/5/2025 còn nợ số tiền vay là 3.825.031.476 đồng, trong đó tiền gốc 2.999.631.806 đồng, tiền lãi trong hạn 183.085.716 đồng và tiền lãi Lãi quá hạn 642.313.954 đồng. Bị đơn đồng ý trả toàn bộ số tiền gốc, lãi, lãi phát sinh cho nguyên đơn nhưng cần có thời gian sắp xếp để bán tài sản thanh toán nợ.

Trường hợp Công ty TNHH M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì xử lý, phát mại các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số: 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng: 7295, quyền số: 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn xin rút một phần kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về tuyên số nợ gốc và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp, người đại diện theo pháp luật của bị đơn chỉ kháng cáo về lãi suất và phần nghĩa vụ trả nợ thay theo nội dung Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bổ sung quan điểm trình bày: Về lãi xuất đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện giảm lãi suất cho bị đơn theo quy định của pháp luật, bởi lẽ khoản vay của bị đơn đã thuộc nhóm nợ xấu, do trong quá trình làm ăn thua lỗ dẫn đến không thanh toán được khoản vay cho ngân hàng và theo quy định của pháp luật thì những khoản nợ xấu có thể được xem xét miễn giảm lãi. Căn cứ giấy nhận nợ, biên bản thẩm định giá phía nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện giá trị khoản vay của bị đơn chỉ tương ứng 64,8% giá trị tài sản thế chấp, tức là chưa đạt 70% giá trị tài sản của bị đơn, do đó tài sản thế chấp của bị đơn vẫn đảm bảo giá trị khoản vay nên việc ngân hàng yêu cầu bà T2, ông T3 phải ký cam kết bảo lãnh khoản vay của bị đơn là không đúng quy định pháp luật. Ngân hàng cũng thừa nhận tất cả hợp đồng được ký kết giữa các bên là hợp đồng mẫu của ngân hàng đưa ra, các hợp đồng đều có ký của khách hàng ký vào từng trang, nhưng Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022 thì bà T2 và ông T3 không ký vào trang số 02 của văn bản và không được ngân hàng giải thích các điều khoản của văn bản là vi phạm Khoản 2 điều 405 BLDS về hợp đồng mẫu và giải thích hợp đồng mẫu cho khách hàng. Do đó, đề nghị HĐXX sửa 1 phần án sơ thẩm bác nội dung về nghĩa vụ liên đới trả nợ của bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3 thống nhất trình bày:

Ngày 07/9/2022, bà T2 và ông T3 sử dụng tài sản là 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh Đ để bảo lãnh cho Công ty TNHH M2 vay số tiền 03 tỷ đồng.

Cụ thể quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 117, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE317765 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/7/2022; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 101, tờ bản đồ số 117, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE317766 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/7/2022 và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 117, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE317767 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 19/7/2022.

Nay Công ty mất khả năng trả nợ vay, nên Ngân hàng TMCP P chuyển giao khoản nợ nêu trên cho Công ty Cổ phần D1 khởi kiện, thì Công ty TNHH M2 phải có trách nhiệm trả nợ. Nếu không trả được thì tài sản đã thế chấp đồng ý cho phát mại theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3 phải liên đới trả nợ thay cho Công ty theo Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022 thì không đồng ý vì văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022 ông, bà không ký tắt vào từng trang nên không có giá trị. Ngoài ra, không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS - ST ngày 26/6/2025 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần D1.

Buộc bị đơn Công ty TNHH M2 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 25/6/2025 là 3.873.872.289 đồng, tiền gốc 2.999.631.806 đồng, lãi trong hạn 200.687.387 đồng và lãi quá hạn 673.553.096 đồng.

Buộc bị đơn Công ty TNHH M2 phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 26/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các văn đã ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn Công ty TNHH M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 thì nguyên đơn có quyền

yêu cầu các Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng 7295, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi toàn bộ khoản nợ của cho nguyên đơn.

Nếu số tiền phát mại các tài sản đảm bảo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29433/22MN/HĐBĐ vẫn không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn Công ty TNHH M2 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ.

Sau khi bị đơn Công ty TNHH M2 thanh toán xong nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3 các giấy tờ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng 7295, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

Buộc ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH M2 theo đúng nội dung của Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022.

Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH M2 phải chịu 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trả lại cho Công ty Cổ phần D1 số tiền 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi nào thu được từ Công ty TNHH M1

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 108.500.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H số tiền 51.558.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000999 ngày 11/3/2024.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/7/2025, người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn xin rút một phần nội dung kháng cáo như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/KDTM – ST ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn làm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, HĐXX nhận định như sau:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh Đ đã cho Công ty TNHH M2 vay vốn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34157/22MN/HĐTD ngày 07/9/2022 và các Đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, gồm đề nghị giải ngân kèm KUNN số 34157/22MN/HĐTD/ KUNN04 ngày 16/3/2023, số tiền vay 1.050.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 17/3/2023 đến ngày 16/9/2023. Mục đích sử dụng vốn Phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản. Lãi suất cho vay trong hạn 11.5%/năm. Đề nghị giải ngân kèm KUNN số 34157/22MN/HĐTD/KUNN05 ngày 07/9/2023, số tiền vay 1.400.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 08/9/2023 đến ngày 07/3/2024. Lãi suất cho vay trong hạn 12.0%/năm. Đề nghị giải ngân kèm KUNN số 34157/22MN/HĐTD/KUNN06 ngày 07/9/2023, số tiền vay 1.599.600.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 08/9/2023 đến ngày 07/3/2024, lãi suất cho vay trong hạn 12.0%/năm. Ngoài ra, ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 đã ký Văn bản cam kết bảo lãnh với nội dung cam kết về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH M2 các khoản nợ phát sinh trong trường hợp Công ty TNHH M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ đúng hạn nghĩa vụ trả nợ các khoản nợ.

Việc Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh Đ, Công ty TNHH M2 và bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3 ký kết các hợp đồng, các đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận không ai phản đối. Vì vậy các hợp đồng, các đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật buộc các bên phải thực hiện.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ của các khoản vay nên nguyên đơn khởi kiện. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 25/6/2025 là 3.873.872.289 đồng, tiền gốc 2.999.631.806 đồng, lãi trong hạn 200.687.387 đồng, và lãi quá hạn 673.553.096 đồng. Buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 26/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ và các văn đã ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn tự nguyện rút một phần kháng cáo đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ gốc và xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nên cần được chấp nhận.

Xét ý kiến của bà Đặng Thị Thùy T2 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX nhận thấy, ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 thừa nhận có ký vào văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022, nhưng cho rằng không ký tắt tại trang số 2 nên văn bản trên là không có giá trị pháp lý là không có căn cứ. Bởi lẽ ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, việc ông bà ký vào văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022 trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 có ký tắt vào trang 1, ký và ghi rõ họ tên vào trang 3 của văn bản nên văn bản trên là hợp lệ có giá trị pháp lý vì vậy ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 phải có trách nhiệm thực hiện. Về yêu cầu xem xét giảm lãi cho bị đơn là sự thỏa thuận của các bên đương sự, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không chấp nhận việc giảm lãi nên không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích, nhận định nói trên HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn về lãi suất và nghĩa vụ bảo lãnh của người có quyền lợi liên quan. Đình chỉ đối với nội dung kháng cáo bị đơn tự nguyện rút yêu cầu tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/KDTM - ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là có căn cứ.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận một phần đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo người đại diện theo pháp luật của bị đơn tự nguyện rút tại phiên tòa.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 13/2025/KDTM - ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần D1.

Buộc bị đơn Công ty TNHH M2 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 25/6/2025 là 3.873.872.289 đồng, tiền gốc 2.999.631.806 đồng, lãi trong hạn 200.687.387 đồng và lãi quá hạn 673.553.096 đồng.

Buộc bị đơn Công ty TNHH M2 phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 26/6/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và các văn đã ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn Công ty TNHH M2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu các Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý, phát mại các tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng 7295, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi toàn bộ khoản nợ của cho nguyên đơn.

Nếu số tiền phát mại các tài sản đảm bảo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29433/22MN/HĐBĐ vẫn không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn Công ty TNHH M2 vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ đến khi thanh toán hết nợ.

Sau khi bị đơn Công ty TNHH M2 thanh toán xong nợ cho nguyên đơn, thì nguyên đơn Công ty Cổ phần D1 có trách nhiệm trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Thùy T2 và ông Trần Ngọc T3 các giấy tờ tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 29433/22MN/HĐBĐ được Văn phòng C chứng nhận ngày 07/9/2022, số công chứng 7295, quyền số 04/2022 TP/CC-SCC/HĐGD.

Buộc ông Trần Ngọc T3 và bà Đặng Thị Thùy T2 phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH M2 theo đúng nội dung của Văn bản cam kết bảo lãnh ngày 07/9/2022.

[3] Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH M2 phải chịu 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trả lại cho Công ty Cổ phần D1 số tiền 10.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi nào thu được từ Công ty TNHH M1

[4] Về án phí KDTM sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 109.477.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố H số tiền 51.558.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000999 ngày 11/3/2024.

[5] Về án phí KDTM phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH M2 phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Bà Bùi Nguyễn Bảo H2 nộp thay) theo biên lai thu số 0000415 ngày 21/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho công ty TNHH M2 – người đại diện theo pháp luật là bà Đặng Thị Thùy T2 số tiền 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm còn dư.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm – TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 1;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Hà